

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Trần Thị Thu Hoài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **56/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025**, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh); nơi ở hiện nay: số E, đường P, khu P, thành phố C, Đài Loan.

Căn cước công dân số: 022173010300; cấp ngày 24/4/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** ông Phạm Văn C, sinh năm 1964; nơi thường trú: tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh).

Căn cước số: 022064003090; cấp ngày 22/7/2024, tại Bộ C1. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (được hợp pháp hóa lãnh sự tại Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ ngày 23/5/2025), thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 10/12/2003. Sau khi kết hôn, bà T và ông C chung sống hạnh phúc; năm 2014, bà T đi lao động tại Đài Loan để lo kinh tế cho gia đình. Từ khi bà T đi Đài Loan, do vợ chồng mỗi người một nơi, xa xôi cách trở nên không còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Đã

rất nhiều lần bà T chủ động trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Bà T cũng nhiều lần đề nghị ông C hợp tác làm thủ tục thuận tình ly hôn nhưng ông C không phối hợp nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 08/3/1995 và Phạm Trường Đ, sinh ngày 13/01/2008. Con chung Phạm Thị H đã trưởng thành, khỏe mạnh, có công việc riêng, có cuộc sống riêng; con chung Phạm Trường Đ, hiện nay đang ở cùng ông C tại địa chỉ: tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giao con chung Phạm Trường Đ cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Bà T tự nguyện cấp dưỡng cho con Phạm Trường Đ mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vẫn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, bà T xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên tòa xét xử vụ án. Bà T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1999 và ông Đào Dương P, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: số I T, phường C, thành phố Hà Nội, thay bà T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao, tổng đạt cho bà T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* *Tại bản tự khai bị đơn ông Phạm Văn C trình bày:* ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 10/12/2003. Sau khi kết hôn ông C và bà T chung sống hạnh phúc; đến năm 2014, để phát triển kinh tế gia đình, bà T đi Đài Loan làm việc. Kể từ đó, mỗi người một nơi, do khoảng cách địa lý nên ông C và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con cái. Từ khi sang Đài Loan làm việc đến nay, bà T về thăm chồng con được 02 lần, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 08/3/1995 và Phạm Trường Đ, sinh ngày 13/01/2008. Con chung Phạm Thị H đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con chung Phạm Trường Đ đang ở cùng với ông C, khi ly hôn ông C đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Trường Đ cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông C đồng ý để bà T cấp dưỡng cho con Phạm Trường Đ mức 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Phạm Văn C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Đơn trình bày đề ngày 11/7/2025,* cháu Phạm Trường Đ, sinh ngày 13/01/2008 là con chung của bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C, thể hiện nguyện vọng: nếu bố mẹ ly hôn, cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có nơi đăng ký thường trú tại tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh, hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; Điều 4 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 10/12/2003, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà T và ông C chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014. Theo bà T và ông C khai: từ năm 2014, bà T đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Do khoảng cách về địa lý, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho ly hôn với ông C, ông C đồng ý ly hôn với bà T. Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: bà T và ông C không còn tồn tại đời sống chung vợ chồng; vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần; không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T đối với ông C.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 08/03/1995 và Phạm Trường Đ sinh ngày 13/01/2008. Với yêu cầu, quan điểm về phần nuôi con của bà T và ông C như nêu trên. Căn cứ quy định tại Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy: từ khi bà T đi lao động tại Đài Loan, con chung Phạm Trường Đ do ông C nuôi dưỡng; cháu Phạm Trường Đ có nguyện vọng muốn được ở với bố. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T đối

với ông C nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của bà T và ông C về phần nuôi con: giao cho ông C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Trường Đ cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con chung Phạm Thị H đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà T và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị T tự nguyện cấp dưỡng cho con Phạm Trường Đ, sinh ngày 13/01/2008, mức 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn C

[2] Về con chung: giao cho ông Phạm Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Trường Đ, sinh 13/01/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu bà Nguyễn Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Phạm Văn C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy ông Phạm Văn C không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì bà Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Con chung Phạm Thị H, sinh ngày 08/3/1995 đã thành niên, không bị mất (hoặc hạn chế) năng lực hành vi dân sự. Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mức 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006051 ngày 16/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Q). Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: bà Nguyễn Thị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông Phạm Văn C biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa Phúc thẩm - TAND tối cao tại Hà Nội;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường C, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng